

Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T; Sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh; Địa chỉ: Thôn N, xã Hữu V, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Anh T; Sinh năm: 1977; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Địa chỉ: Thôn N, xã Hữu V, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị T và ông Bùi Anh T.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Bùi Anh T nhất trí thuận tình ly hôn.
  - Về con chung: Bà Lê Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Bùi Lê Huyền A, sinh ngày 05/7/2016, Bùi Lê T, sinh ngày 09/02/2003, ông Bùi Anh T cấp dưỡng nuôi con Bùi Lê T với mức 4.000.000<sup>d</sup> (bốn triệu đồng) một tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con T tự lập và có công việc ổn định, bà T là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Ông Bùi Anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con Bùi Lê K, sinh ngày 17/02/2009, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Bùi Anh T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 75.000<sup>d</sup> (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; ông Bùi Anh T phải chịu 75.000<sup>d</sup> (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ phần án phí ông Bùi Anh T phải chịu. Tổng cộng số tiền án phí bà Lê Thị T phải chịu là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà T đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2010/04223 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND phường Nguyễn T, TP H, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký và đóng dấu)

**Đoàn Ngọc Vĩnh**